



Người ký: Bộ Nội vụ
Email: bonoivu@moha.gov.vn
Cơ quan: Bộ Nội vụ

BỘ NỘI VỤ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 786 /BNV-TL&BHXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Kính gửi:

Triển khai Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 7, Bộ Nội vụ đã phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia góp ý đối với các dự thảo nêu trên (gửi kèm theo Công văn này).

Ý kiến góp ý của Quý Cơ quan gửi về Bộ Nội vụ (qua Cục Tiền lương và Bảo hiểm xã hội, địa chỉ: Số 8 Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội) trước ngày 14/4/2025 để kịp thời tổng hợp, hoàn thiện, trình Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTg TTCP Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Công TTĐT Chính phủ (để đăng tải theo quy định);
- Công TTĐT Bộ Nội vụ (để đăng tải theo quy định);
- Lưu: VT, TL&BHXH.(03b, TT)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẤY Ý KIẾN

I. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ (16)

1. Bộ Quốc phòng
2. Bộ Công an
3. Bộ Ngoại giao
4. Bộ Tư pháp
5. Bộ Tài chính
6. Bộ Công Thương
7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8. Bộ Xây dựng
9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
10. Bộ Khoa học và Công nghệ
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo
12. Bộ Y tế
13. Bộ Dân tộc và Tôn giáo
14. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
15. Thanh tra Chính phủ
16. Văn phòng Chính phủ.

II. Các cơ quan khác (03)

1. Hội đồng quản lý BHXH
2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
3. Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam.

Số: /TTr-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1 26/3/2025

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử
trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm
(Tài liệu gửi xin ý kiến các bộ, ngành, đơn vị liên quan)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, Nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7¹.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan có liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo số /BCTĐ-BTP ngày tháng năm 2025, Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 29/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 (sau đây được viết là Luật BHXH số 41/2024/QH15) và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Luật BHXH số 41/2024/QH15 được xây dựng nhằm bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của Hiến pháp và thể chế hóa các quan điểm, định hướng, nội dung cải cách trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng và Nhà nước; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội (sau đây được viết là BHXH) theo hướng đa dạng, linh hoạt, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, tiến tới bao phủ BHXH đối với toàn bộ lực lượng lao động. Luật BHXH số 41/2024/QH15 được kết cấu gồm 11 Chương và 141 Điều, trong đó có 56 điều, khoản, nội dung giao Chính phủ quy

1 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) chủ trì trình Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm trước ngày 01/5/2025

định chi tiết. Liên quan đến giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm có 03 điều, khoản, nội dung giao Chính phủ quy định chi tiết².

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đặt mục tiêu đến năm 2030: “Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh thông tin, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu.”

Ngày 09/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 47/2024/NĐ-CP quy định về danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia; việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia, theo đó Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về bảo hiểm nằm trong Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia.

Triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 7, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp 7, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định tại Luật BHXH năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT) và bảo hiểm thất nghiệp (BHTN); Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 quy định CSDLQG về Bảo hiểm. Quá trình thực hiện Nghị định số 166/2016/NĐ-CP và Nghị định số 43/2021/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và xây dựng, vận hành CSDLQG về bảo hiểm cơ bản hoàn thành, duy trì hoạt động ổn định với những kết quả tích cực:

² khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 30

(i) Đối với giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH: Duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu tập trung; hệ thống kênh truyền mạng WAN từ Trung ương đến các cơ quan BHXH cấp tỉnh, cấp huyện, đã triển khai 28 hệ thống phần mềm, đảm bảo xử lý 100% quy trình nghiệp vụ trên môi trường điện tử; kết nối với hơn 13 nghìn cơ sở y tế trên toàn quốc để tiếp nhận dữ liệu thanh toán chi phí khám chữa bệnh BHYT. Hiện có hơn 621 nghìn doanh nghiệp giao dịch điện tử với cơ quan BHXH, có hơn 36 triệu tài khoản giao dịch điện tử, dùng để đăng nhập sử dụng ứng dụng VssID, hơn 5,5 triệu lượt sử dụng hình ảnh thẻ BHYT trên ứng dụng VssID để thực hiện các thủ tục khám chữa bệnh BHYT; phối hợp với Bộ Công an triển khai sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập, sử dụng tài khoản VssID (đã có hơn 16,7 triệu lượt sử dụng tài khoản VNeID để đăng nhập ứng dụng VssID), giúp người dân có thêm lựa chọn sử dụng tài khoản khi có nhu cầu khai thác thông tin, sử dụng thẻ BHYT, thực hiện các dịch vụ công trực tuyến dành cho cá nhân trên ứng dụng VssID. Hiện nay, 100% thủ tục hành chính của cơ quan BHXH đủ điều kiện đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Các dịch vụ công này được cung cấp trên nhiều nền tảng, hình thức như: Cổng dịch vụ công BHXH Việt Nam, Cổng dịch vụ công Quốc gia, Ứng dụng VssID, tổ chức IVAN, VNPOST... Cơ quan BHXH đã đảm bảo thực hiện đầy đủ, hiệu quả 7 dịch vụ công, thủ tục hành chính liên thông. Thông qua các dịch vụ công này, toàn ngành BHXH đã tiếp nhận và xử lý, trả kết quả hơn 1,7 triệu hồ sơ hoàn toàn trực tuyến. 100% cơ sở y tế triển khai khám chữa bệnh BHYT bằng căn cước công dân gắn chip; đảm bảo đáp ứng yêu cầu tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng số định danh cá nhân, căn cước công dân. Hơn 119 triệu lượt tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân thành công, phục vụ làm thủ tục khám chữa bệnh BHYT, góp phần tạo thuận lợi, giảm thời gian làm thủ tục khám chữa bệnh BHYT, tiết kiệm chi phí in ấn thẻ BHYT và chi phí quản lý hành chính. Cho đến nay, khoảng hơn 80% số người hưởng tại khu vực đô thị nhận các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua thẻ ATM.

(ii) Về cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm: CSDLQG về bảo hiểm đang được kết nối, chia sẻ tích cực với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, phục vụ hiệu quả các yêu cầu quản lý nhà nước. BHXH Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, trở thành đơn vị đầu tiên kết nối thành công với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hệ thống của cơ quan BHXH đã xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư hơn 98,5 triệu thông tin nhân khẩu, trong đó có khoảng 88,5 triệu người đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, đạt tỷ lệ 98,4%. Hiện nay, BHXH Việt Nam phối hợp tích hợp thông tin sổ BHXH trên ứng dụng VneID, đã có hơn 24,9 triệu lượt truy vấn thông tin sổ BHXH thành công và tích hợp lên ứng dụng

VNeID. Cơ quan BHXH cũng đang phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương khác để kết nối và chia sẻ, đồng thời làm giàu Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và xây dựng, vận hành CSDLQG về bảo hiểm cũng còn những hạn chế cần tiếp tục đẩy mạnh trong thời gian tới: (i) Việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành phục vụ cho việc thực hiện giao dịch điện tử cần tiếp tục đẩy mạnh; (ii) Chưa thực hiện cấp sổ BHXH điện tử; thông tin sổ BHXH (quá trình đóng, hưởng BHXH) được tích hợp trên ứng dụng VssID, VneID nhiều trường hợp còn chưa đầy đủ, cần tiếp tục cập nhật, đồng bộ; (iii) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDLQG về bảo hiểm với các CSDLQG khác và cơ sở dữ liệu chuyên ngành;... Cùng với đó, việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước³ cũng đặt ra nhiều nội dung cần phải được xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và CSDLQG về bảo hiểm là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

- Quy định chi tiết một số nội dung được Luật BHXH số 41/2024/QH15 giao Chính phủ hướng dẫn;
- Tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật hiện hành về giao dịch điện tử và CSDLQG.
- Tiếp tục cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách chính sách BHXH, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.
- Tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện BHXH, BHYT, BHTN và đáp ứng tốt hơn yêu cầu trong công tác quản lý nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn có liên quan; bảo đảm tiến độ thực hiện theo nhiệm vụ, kế hoạch được giao.

³ Đặc biệt, BHXH Việt Nam sáp nhập vào Bộ Tài chính

- Bám sát chủ trương, định hướng, quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng Luật BHXH số 41/2024/QH15; phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, phù hợp trong bối cảnh sắp xếp, tổ chức bộ máy.

- Kế thừa các nội dung quy định hiện hành phù hợp tại Nghị định số 166/2016/NĐ-CP và Nghị định số 43/2021/NĐ-CP; sửa đổi, bổ sung quy định khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH; cơ quan BHXH; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng CSDLQG về bảo hiểm.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Ngày 08/10/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành Quyết định số 1694/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và CSDLQG về bảo hiểm.

2. Xây dựng dự thảo Nghị định: tiến hành tổng kết, đánh giá và đề xuất nội dung xây dựng dự thảo Nghị định.

3. Ngày /3/2025, Bộ Nội vụ có văn bản số /BNV-CTLBHXH gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định, đồng thời đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động.

4. Sau khi tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương và hoàn thiện hồ sơ Nghị định, Bộ Nội vụ có văn bản số /BNV-CTLBHXH gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định hồ sơ Nghị định.

5. Ngày / /2025, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP thẩm định đối với hồ sơ Nghị định. Ngày/...../2025, Bộ Nội vụ có Báo cáo số/BC-BNV tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định:

Dự thảo Nghị định bao gồm 05 chương, 46 Điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung: Gồm 08 Điều (Điều 1 đến Điều 8).
- Chương II. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH: Gồm 16 Điều (từ Điều 9 đến Điều 24).
- Chương III. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm: Gồm 09 Điều, từ (Điều 25 đến Điều 33).
- Chương IV. Tổ chức thực hiện: Gồm 09 Điều (Điều 34 và Điều 42).
- Chương V. Hiệu lực thi hành: Gồm 04 Điều (Điều 43 đến Điều 46).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:

Nghị định bao gồm một số nội dung cơ bản sau:

2.1. Chương I. Quy định chung: tập trung quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH và xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng CSDLQG về bảo hiểm và các hành vi bị nghiêm cấm; Điều kiện, phương thức thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH; việc lựa chọn tổ chức I-VAN.

Bên cạnh đó, quy định việc điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện BHXH từ giao dịch bằng bản giấy sang giao dịch điện tử. Đây là nội dung quy định theo khoản 4 Điều 26 của Luật BHXH, theo hướng: (i) Thông tin sử dụng để thực hiện BHXH đã có trên tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 của cá nhân tham gia BHXH liên kết với sổ BHXH điện tử thì không phải xuất trình lại hồ sơ, giấy tờ bằng bản giấy để đối chiếu, chứng minh; (ii) Đối với các thành phần hồ sơ đã được số hóa hoặc chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo đúng quy định thì không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp khi thực hiện thủ tục hành chính về BHXH

2.2. Chương II. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH: được kết cấu thành 03 mục: Mục 1 quy định về chứng từ BHXH điện tử; Mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH; Mục 3 quy định về việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH.

Nội dung chương này cơ bản được kế thừa các quy định tại Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số

140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ; đồng thời điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản quy định chi tiết. Bên cạnh đó, dự thảo cũng điều chỉnh các nội dung cho phù hợp với thực tiễn trong quá trình thực hiện như giảm thời gian giải quyết của cơ quan BHXH khi nhận được đề nghị đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH (từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 giờ làm việc); bỏ quy định trách nhiệm của Tổ chức I-VAN trong việc Tổ chức I-Van trong việc cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động cung cấp dịch vụ I-Van theo yêu cầu của BHXH Việt Nam (hiện nay các thông tin, dữ liệu này đã được quản lý tập trung, lưu trữ đầy đủ tại Trung tâm dữ liệu của BHXH Việt Nam).

Bên cạnh đó, bổ sung quy định về sổ BHXH điện tử, theo đó sổ BHXH điện tử được cơ quan BHXH cấp cho từng người tham gia BHXH trên môi trường điện tử. Sổ BHXH điện tử có các thông tin như sổ BHXH bằng bản giấy và được mã hóa theo quy định của pháp luật. Thông tin trong sổ BHXH điện tử gồm (i) Mã số bảo hiểm xã hội; (ii) Thông tin cơ bản về nhân thân gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; số căn cước hoặc hộ chiếu; (iii) Thông tin về quá trình đóng BHXH (thời gian đóng; căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; tỷ lệ đóng vào các quỹ BHXH và các thông tin liên quan gắn với quá trình đóng như cấp bậc, chức vụ; chức danh nghề, công việc; tên đơn vị; nơi làm việc,...); (iv) Thông tin hưởng, giải quyết các chế độ BHXH; (v) Thông tin cần thiết khác có liên quan phục vụ cho việc đóng, hưởng BHXH. Sổ BHXH điện tử được liên kết với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 của cá nhân tham gia BHXH. Người tham gia BHXH có thể sử dụng thiết bị điện tử cầm tay trên môi trường điện tử để nhận sổ BHXH điện tử.

2.3. *Chương III. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm:* được kết cấu thành 03 mục: Mục 1 quy định về xây dựng CSDLQG về bảo hiểm; Mục 2 quy định về khai thác và sử dụng dữ liệu CSDLQG về bảo hiểm; Mục 3 quy định về quản lý CSDLQG về bảo hiểm.

Nội dung chương này cơ bản được kế thừa quy định tại Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 quy định CSDLQG về bảo hiểm; đồng thời điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với việc thực hiện sắp xếp bộ máy hành chính như quy định cơ quan chủ quản CSDLQG về bảo hiểm là Bộ Tài chính thay vì BHXH Việt Nam; trách nhiệm cung cấp “nhóm thông tin về an sinh xã hội” của Bộ Y tế thay vì Bộ Nội vụ (trước đây là Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội);...

2.4. *Chương IV. Tổ chức thực hiện:* quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan.

2.5. *Chương V. Hiệu lực thi hành:* quy định về điều khoản tham chiếu, quy định chuyển tiếp, hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành.

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn lực về tài chính

Việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 và Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 nhằm bảo đảm tính thống nhất về hệ thống pháp luật và không phát sinh tăng thêm nhiệm vụ mới so với hiện hành, không phát sinh so với kinh phí đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhiệm vụ về giao dịch điện tử và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực BHXH.

2. Nguồn lực về con người

Đề xuất xây dựng Nghị định và tổ chức thi hành Nghị định sau khi được ban hành không làm phát sinh thay đổi tổ chức bộ máy, nhân sự.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Bộ Nội vụ xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; (3) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản; (4) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (5) Bản chụp ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Tư pháp;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Các đơn vị trong Bộ: Vụ Pháp chế, Cục Việc làm (để biết);
- Lưu: VT, TL&BHXH(b).

BỘ TRƯỞNG

Phạm Thị Thanh Trà

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO SỐ 1 25/3/2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023; Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; cơ quan bảo hiểm xã hội; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là giao dịch được thực hiện bằng phương tiện điện tử bao gồm đăng ký tham gia, cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng bảo hiểm xã hội; giải quyết, chi trả chế độ bảo hiểm xã hội và các hoạt động khác trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.
2. Pháp luật chuyên ngành là pháp luật về bảo hiểm xã hội gồm bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp.
3. Chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các giao dịch trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.
4. Mã xác thực giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là mật khẩu dùng một lần cho từng lần giao dịch được sử dụng đối với cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội chưa có chứng thư số. Mật khẩu này được gửi từ Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam đến số điện thoại di động hoặc địa chỉ thư điện tử của cá nhân đã đăng ký với cơ quan bảo hiểm xã hội.
5. Tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội là tài khoản do Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc qua Tổ chức I-VAN để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.
6. Dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (sau đây gọi là dịch vụ I-VAN) là dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch bằng phương tiện điện tử.
7. Tổ chức cung cấp dịch vụ I-VAN (sau đây gọi là tổ chức I-VAN) là người trung gian theo quy định của Luật giao dịch điện tử và được Bảo hiểm xã hội Việt Nam ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN.
8. Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam là điểm truy cập trên môi trường mạng của hệ thống công nghệ thông tin của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để nhận, truyền thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội với tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử và với Tổ chức I-VAN.

9. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm là cơ sở dữ liệu dùng chung tập hợp thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được số hóa, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 4. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, pháp luật về bảo hiểm xã hội và quy định khác của pháp luật có liên quan.

b) Việc thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải bảo đảm rõ ràng, bình đẳng, trung thực, an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật và toàn vẹn thông tin.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thì thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định của Nghị định này và pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được xây dựng, quản lý tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

b) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời ngay sau khi các thủ tục hành chính, nghiệp vụ có liên quan đã hoàn thành; duy trì hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin.

d) Việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm tuân thủ các quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Việc làm, Luật An toàn vệ sinh lao động, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử; các quy định pháp luật về kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo đảm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Điều kiện, phương thức thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Có chứng thư số còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội nhưng chưa được cấp chứng thư số thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp.

b) Có khả năng truy cập, sử dụng mạng Internet; có địa chỉ thư điện tử liên lạc ổn định và đăng ký với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội được lựa chọn thực hiện giao dịch điện tử trực tiếp qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc thông qua Tổ chức I-VAN theo quy định của Nghị định này.

Điều 6. Lựa chọn tổ chức I-VAN

1. Điều kiện lựa chọn tổ chức I-VAN

a) Về chủ thể:

Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

b) Về tài chính:

Có cam kết bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để giải quyết các rủi ro và bồi thường thiệt hại có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ.

c) Về nhân sự:

Có nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin, có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, quản trị cơ sở dữ liệu.

Có nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi, kiểm tra 24 giờ trong ngày để duy trì sự hoạt động ổn định của hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ I-VAN.

d) Về kỹ thuật:

Hệ thống thiết bị, kỹ thuật phải bảo đảm cung cấp dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và bảo đảm kết nối an toàn với Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, trừ thời gian bảo trì. Thời gian bảo trì không quá 2% tổng số giờ cung cấp dịch vụ trong một năm; có khả năng cung cấp dịch vụ thông qua các loại thiết bị như máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh của người sử dụng.

Bảo đảm năng lực, khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy nhập bất hợp pháp, các hình thức tấn công trên môi trường mạng để bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia.

Có các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu; có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ, kể từ thời điểm hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử gặp sự cố. Lưu trữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành với yêu cầu thông điệp dữ liệu điện tử gốc phải được lưu giữ trên hệ thống và được truy cập trực tuyến. Nhật ký giao dịch điện tử phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu 10 năm, kể từ thời điểm thực hiện giao dịch thành công. Bảo đảm các thông tin lưu trữ trong nhật ký giao dịch được tra cứu trực tuyến trong thời gian lưu trữ.

Đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kết nối dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN theo trình tự quy định tại Khoản 3 Điều này đối với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đủ các điều kiện.

3. Trình tự ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN

a) Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này gửi văn bản đề nghị ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN kèm theo Đề án cung cấp dịch vụ I-VAN trong đó thể hiện nội dung đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này đến Bảo hiểm xã hội Việt Nam (gửi bản giấy hoặc bản điện tử).

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức cung cấp dịch vụ I-VAN có đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và thực hiện kết nối thành công với Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện ký kết hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ I-VAN.

4. Tổ chức đang cung cấp dịch vụ I-VAN trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ I-VAN và phải thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định này.

Điều 7. Điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội từ giao dịch bằng bản giấy sang giao dịch điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đã hoàn thành việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định này thì không phải thực hiện các phương thức giao dịch khác và được công nhận đã hoàn thành thủ tục bảo hiểm xã hội tương ứng.

2. Thông tin sử dụng để thực hiện bảo hiểm xã hội đã có trên tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 của cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội liên kết với sổ bảo hiểm xã hội điện tử thì không phải xuất trình lại hồ sơ, giấy tờ bằng bản giấy để đối chiếu, chứng minh.

3. Đối với các thành phần hồ sơ đã được số hóa hoặc chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo đúng quy định thì không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp khi thực hiện thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội.

Điều 8. Các hành vi không được làm

1. Các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 6 của Luật Giao dịch điện tử
2. Cung cấp thông tin không đúng sự thật.
3. Phá hoại hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin hoặc cản trở quá trình vận hành, duy trì ổn định, liên tục của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.
4. Truy cập trái phép vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; sao chép, làm sai lệch thông tin, thay đổi, xóa, hủy dữ liệu trái pháp luật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.
5. Khai thác, sử dụng hoặc tiết lộ thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm không đúng quy định, xâm phạm quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.

Chương II

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

MỤC 1

CHỨNG TỪ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐIỆN TỬ

Điều 9. Chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử bao gồm:
 - a) Hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử.

b) Chứng từ kế toán theo quy định về chế độ kế toán của Bảo hiểm xã hội Việt Nam bằng phương tiện điện tử.

c) Các văn bản, thông báo khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch bảo hiểm xã hội bằng phương tiện điện tử.

2. Chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định tại Nghị định này có giá trị pháp lý như hồ sơ, chứng từ, thông báo và các văn bản bằng giấy theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sổ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Sổ bảo hiểm xã hội điện tử được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp cho từng người tham gia bảo hiểm xã hội trên môi trường điện tử. Sổ bảo hiểm xã hội điện tử có các thông tin như sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy và được mã hóa theo quy định của pháp luật, bao gồm các thông tin sau:

- a) Mã số bảo hiểm xã hội;
- b) Thông tin cơ bản về nhân thân gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; số căn cước hoặc hộ chiếu;
- c) Thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội gồm: thời gian đóng; căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; tỷ lệ đóng vào các quỹ bảo hiểm xã hội và các thông tin liên quan gắn với quá trình đóng như cấp bậc, chức vụ; chức danh nghề, công việc; tên đơn vị; nơi làm việc,...;
- d) Thông tin hưởng, giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội;
- đ) Thông tin cần thiết khác có liên quan phục vụ cho việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.

2. Sổ bảo hiểm xã hội điện tử được liên kết với tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức độ 2 của cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội. Người tham gia bảo hiểm xã hội có thể sử dụng thiết bị điện tử cầm tay trên môi trường điện tử để nhận sổ bảo hiểm xã hội điện tử.

3. Sổ bảo hiểm xã hội được cấp bằng bản điện tử được cấp chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2026 và có giá trị pháp lý như sổ bảo hiểm xã hội bằng bản giấy.

Điều 11. Yêu cầu đối với chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Các chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định tại Điều 9 Nghị định này phải có đủ chữ ký số của những người có trách nhiệm ký chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử chỉ có chữ ký của người có thẩm quyền thì hệ thống thông tin phải có khả năng nhận biết và xác nhận việc đã xử lý của những người có trách nhiệm theo quy định của pháp luật trong quá trình luân chuyển chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử đến người ký cuối cùng.

2. Trường hợp chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử có thành phần kèm theo ở dạng giấy thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải chuyển đổi sang dạng điện tử.

Việc chuyển đổi từ chứng từ giấy sang chứng từ điện tử và chứng từ điện tử sang chứng từ giấy thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 12. Thời gian nộp chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử được thực hiện các giao dịch điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc Tổ chức I-VAN 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổ chức I-VAN gửi thông báo xác nhận đã nhận được chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử đến địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân chậm nhất 15 phút sau khi nhận được chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp gửi đến.

Điều 13. Lưu trữ chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử

Thời hạn lưu trữ chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ. Trường hợp chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống thông tin và các chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử đang lưu hành, thì tiếp tục được lưu trữ cho đến khi việc hủy chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử không làm ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHI THAM GIA GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 14. Quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Được thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật giao dịch điện tử, Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Được lựa chọn một trong hai hình thức quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định này; được lựa chọn Tổ chức I-VAN để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN.

3. Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc Tổ chức I-VAN hướng dẫn, hỗ trợ và giải quyết kịp thời khi gặp sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử.

4. Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổ chức I-VAN bảo đảm bí mật, tính toàn vẹn về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật.

5. Được cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bằng phương tiện điện tử.

Điều 15. Nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Tạo lập, gửi, nhận các chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử trực tiếp tại Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc thông qua Tổ chức I-VAN.

2. Không thực hiện giao dịch bằng hồ sơ giấy đối với các thủ tục đã đăng ký bằng hình thức giao dịch điện tử trong thời gian đang thực hiện giao dịch điện tử, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Quản lý chữ ký số và bảo đảm tính chính xác của chữ ký số trên chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử; quản lý tên và mật khẩu của tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để bảo đảm tính an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu trên hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử của Tổ chức I-VAN và hệ thống công nghệ thông tin của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

4. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn toàn bộ chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định của pháp luật về lưu trữ, giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp là cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

5. Lưu trữ chứng từ giấy theo quy định của pháp luật về lưu trữ đối với những chứng từ kê khai với cơ quan bảo hiểm xã hội nhưng chưa chuyển sang chứng từ điện tử; xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền đối chiếu, kiểm tra.

6. Thực hiện các quy định bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử của Tổ chức I-VAN và hệ thống công nghệ thông tin của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

7. Lập hồ sơ bảo hiểm xã hội bằng giấy hoặc chuyển hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử sang hồ sơ bảo hiểm xã hội giấy để nộp cho cơ quan Bảo hiểm xã hội trực

tiếp quản lý chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ về thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong trường hợp đến hạn nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử mà hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, hạ tầng kỹ thuật chưa khắc phục được sự cố; chậm nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ đối với giao dịch khác.

Sau khi sự cố đã được khắc phục, cơ quan, tổ chức, có trách nhiệm gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử tới Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc Tổ chức I-VAN đã lựa chọn.

8. Thực hiện các điều khoản ký kết trong hợp đồng với Tổ chức I-VAN.

9. Chấp hành thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

10. Chịu trách nhiệm về kê khai chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động và pháp luật có liên quan.

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền của Tổ chức I-VAN

1. Được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam hỗ trợ nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để thực hiện các giao dịch nhận, truyền dữ liệu điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; được cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ I-VAN.

3. Được Bảo hiểm xã hội Việt Nam hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc về nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ I-VAN.

4. Được chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN với Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Được ký, chấm dứt hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ I-VAN theo quy định của pháp luật.

6. Được từ chối cung cấp dịch vụ I-VAN đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện tham gia giao dịch hoặc vi phạm hợp đồng đã ký phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Được các quyền khác theo hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN đã ký kết với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hợp đồng ký với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 17. Nghĩa vụ của Tổ chức I-VAN

1. Thiết lập kênh kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo đúng tiêu chuẩn kết nối do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định.

2. Công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên website giới thiệu dịch vụ của Tổ chức I-VAN.

3. Cung cấp dịch vụ I-VAN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đã ký hợp đồng với tổ chức mình.

4. Bảo đảm kết nối liên tục, bảo mật, toàn vẹn thông tin về hồ sơ và các điều kiện cần thiết để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội. Có phương án để khắc phục ngay sự cố xảy ra trong quá trình giao dịch điện tử.

5. Thực hiện việc nhận, truyền, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội bảo đảm đúng thời hạn, chính xác, toàn vẹn của hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử; chuyển hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; thông báo xác nhận nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội sử dụng dịch vụ I-VAN theo quy định.

6. Tuân thủ các quy định pháp luật về công nghệ thông tin, viễn thông và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ, bảo mật thông tin do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

7. Lưu giữ kết quả của các lần nhận, truyền dữ liệu điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; lưu giữ hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

8. Lưu trữ nhật ký giao dịch điện tử trên hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử theo đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Nghị định này.

9. Thông báo qua địa chỉ thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước 10 ngày khi dừng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử để bảo trì và có biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của các bên có liên quan.

10. Thường xuyên cập nhật các quy định mới của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về các mẫu, khuôn dạng chuẩn liên quan đến giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

11. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để sử dụng dịch vụ và thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

12. Bồi thường thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội khi xảy ra sự cố về an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

13. Thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ I-VAN trước 30 ngày tính đến ngày hợp đồng sử dụng dịch vụ I-VAN hết hiệu lực.

14. Có nghĩa vụ khác theo hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN đã ký kết với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; hợp đồng ký với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 18. Quyền của Trung tâm dịch vụ việc làm khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Được cơ quan bảo hiểm xã hội hướng dẫn, hỗ trợ nghiệp vụ trong quá trình giao dịch điện tử.

2. Được cơ quan bảo hiểm xã hội bảo đảm bí mật, tính toàn vẹn về dữ liệu theo quy định của pháp luật.

3. Được cơ quan bảo hiểm xã hội kịp thời khắc phục sự cố trong giao dịch điện tử thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Điều 19. Nghĩa vụ của Trung tâm dịch vụ việc làm khi tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Thực hiện giao dịch điện tử trong giải quyết các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

2. Cung cấp danh sách các quyết định bảo hiểm thất nghiệp, đối tượng không đến khai báo việc làm hàng tháng, đối tượng đăng ký học nghề và tư vấn

giới thiệu việc làm, đối tượng đến đăng ký bảo lưu bảo hiểm thất nghiệp, không nhận quyết định (hủy quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp) bằng phương tiện điện tử.

3. Lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ chứng từ điện tử trong thực hiện các chế độ bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống dữ liệu điện tử.

4. Chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quyền của cơ quan Bảo hiểm xã hội

1. Yêu cầu Tổ chức I-VAN thiết lập kênh kết nối theo đúng quy định về tiêu chuẩn kết nối của Bảo hiểm xã hội Việt Nam bảo đảm liên tục, an ninh, an toàn và thực hiện cung cấp dịch vụ I-VAN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội kể từ ngày hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN ký với Bảo hiểm xã hội Việt Nam có hiệu lực.

2. Yêu cầu Tổ chức I-VAN chuyển hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử tới Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ với Tổ chức I-VAN theo quy định của pháp luật.

4. Yêu cầu Tổ chức I-VAN thực hiện cung cấp dịch vụ theo đúng hợp đồng đã ký.

5. Được các cơ quan, tổ chức có liên quan chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 21. Nghĩa vụ của cơ quan Bảo hiểm xã hội

1. Thiết lập, duy trì, bảo đảm kết nối, tiêu chuẩn kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam với Tổ chức I-VAN để thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội. Vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu bảo hiểm xã hội điện tử bảo đảm liên tục, toàn vẹn, an ninh, an toàn và bảo mật.

2. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong việc nhận, truyền, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử khi được yêu cầu.

4. Hỗ trợ về nghiệp vụ bảo hiểm xã hội cho Tổ chức I-VAN để thực hiện các giao dịch nhận, truyền, lưu trữ, phục hồi thông điệp dữ liệu giao dịch điện tử giữa cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5. Thông tin kịp thời tới Tổ chức I-VAN và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội các quy định mới của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về các mẫu, khuôn dạng chuẩn của dịch vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trên Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

6. Phối hợp với Tổ chức I-VAN hỗ trợ nghiệp vụ cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội khi được yêu cầu.

7. Hỗ trợ Tổ chức I-VAN và cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội giải quyết các vướng mắc phát sinh liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội khi được yêu cầu.

8. Công khai danh sách các Tổ chức I-VAN trên Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội lựa chọn.

9. Thông báo và trả kết quả giải quyết theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động và các quy định pháp luật có liên quan.

10. Thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thông qua Tổ chức I-VAN trước 45 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng cung cấp dịch vụ với Tổ chức I-VAN.

11. Thực hiện cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội bằng phương tiện điện tử.

12. Ngừng giao dịch hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử khi cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội vi phạm quy định về an toàn, an ninh hệ thống công nghệ thông tin của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

13. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Kiểm tra, giám sát thường xuyên hoặc đột xuất về chất lượng cung cấp dịch vụ của Tổ chức I-VAN theo hợp đồng cung cấp dịch vụ I-VAN đã ký giữa Bảo hiểm xã hội Việt Nam với Tổ chức I-VAN.

14. Có nghĩa vụ khác theo hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết với Tổ chức I-VAN.

15. Định kỳ hằng năm, báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, tình hình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Mục 3

THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM XÃ HỘI

Điều 22. Thực hiện giao dịch điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

1. Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

a) Khi có nhu cầu đăng ký tham gia giao dịch điện tử, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thì cơ quan, tổ chức, cá nhân lập Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hoặc gửi bản giấy đến Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Trong thời hạn 02 giờ làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo chấp thuận đến địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; trường hợp không chấp thuận, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải thông báo và nêu rõ lý do.

c) Đối với trường hợp đăng ký ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử, kể từ thời điểm Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông báo chấp thuận thì cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch với cơ quan bảo hiểm xã hội bằng hồ sơ giấy theo quy định. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân muốn tiếp tục sử dụng lại phương thức giao dịch điện tử thì phải thực hiện đăng ký theo quy định tại điểm a khoản này.

2. Nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thực hiện lập và nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử theo một trong hai cách sau:

a) Truy cập tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, thực hiện lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; sau đó truy cập vào tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để thực hiện gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

3. Trách nhiệm giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội:

Trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo xác nhận nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua địa chỉ thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội. Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động.

Điều 23. Thực hiện giao dịch điện tử thông qua tổ chức I-VAN

1. Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN

a) Khi có nhu cầu đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN thì cơ quan, tổ chức, cá nhân theo lập Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi bản điện tử đến tổ chức chức I-VAN. Trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN, Tổ chức I-VAN gửi đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

b) Trong thời hạn 02 giờ làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN, Bảo hiểm xã hội Việt Nam gửi thông báo chấp thuận đến Tổ chức I-VAN; trường hợp không chấp thuận, Bảo hiểm xã hội phải thông báo và nêu rõ lý do.

c) Trong thời hạn 02 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổ chức I-VAN gửi thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

d) Trong trường hợp thay đổi Tổ chức I-VAN thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải thực hiện ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN và thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ I-VAN theo quy định tại điểm a khoản này.

e) Đối với trường hợp đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN, kể từ thời điểm nhận được thông báo chấp thuận thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo hiểm xã hội bằng hồ sơ giấy.

2. Nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua Tổ chức I-VAN

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội thực hiện lập và nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử theo một trong hai cách sau:

a) Truy cập tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, thực hiện lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của Tổ chức I-VAN và gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử cho Tổ chức I-VAN;

b) Lập hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; sau đó truy cập vào tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội để thực hiện gửi hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử cho Tổ chức I-VAN.

3. Trách nhiệm giải quyết của Tổ chức I-VAN và cơ quan bảo hiểm xã hội:

a) Sau khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, Tổ chức I-VAN thực hiện việc gửi hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và gửi thông báo xác nhận nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử qua địa chỉ thư điện tử cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trong thời hạn 02 giờ.

b) Sau khi nhận được hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội do Tổ chức I-VAN chuyển đến, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động kể từ thời điểm Tổ chức I-VAN xác nhận nộp hồ sơ.

Điều 24. Bảo đảm kết nối giữa các hệ thống thông tin trong giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội

1. Các hệ thống thông tin phục vụ thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đáp ứng theo các quy định áp dụng đối với hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm là cơ sở dữ liệu gốc để thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Dữ liệu chia sẻ, trao đổi được thực hiện trong các giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phải được chuẩn hóa dưới dạng cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi.

Chương III

CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Mục 1

XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 25. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm bao gồm các thông tin sau:

a) Dữ liệu cơ bản cá nhân bao gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; số căn cước hoặc số hộ chiếu; dân tộc; quốc tịch; nơi đăng ký khai sinh; quê quán, nơi thường trú; họ, chữ đệm và tên, số căn cước hoặc hộ chiếu của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp;

b) Thông tin liên hệ của công dân;

c) Nhóm thông tin về hộ gia đình: Mã hộ gia đình; địa chỉ; danh sách các thành viên trong hộ gia đình;

d) Nhóm thông tin về bảo hiểm xã hội: Mã sổ bảo hiểm xã hội; mã đơn vị quản lý người tham gia; cơ quan bảo hiểm xã hội quản lý; loại đối tượng bảo hiểm xã hội; phương thức đóng; quá trình đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; mã số thuế;

đ) Nhóm thông tin về bảo hiểm y tế: Mã mức hưởng bảo hiểm y tế theo đối tượng tham gia bảo hiểm y tế; nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu; thời điểm hết hạn; thời điểm đủ 05 năm liên tục; quá trình đóng, hưởng;

e) Nhóm thông tin về bảo hiểm thất nghiệp: Quá trình đóng, hưởng; thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;

g) Nhóm thông tin về người sử dụng lao động gồm: Tên; mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập; mã số thuế; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh (hoặc ngành, nghề kinh doanh chính)/lĩnh vực hoạt động; số điện thoại, thư điện tử; loại hình doanh nghiệp/loại hình tổ chức; phương thức đóng;

h) Nhóm thông tin cơ bản về y tế;

i) Nhóm thông tin về an sinh xã hội;

2. Thông tin được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này là dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 26. Thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Thông tin quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 của Nghị định này được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

2. Thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 25 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành do Bộ Tài chính quản lý.

3. Thông tin quy định tại điểm g khoản 1 Điều 25 của Nghị định này được đồng bộ hóa dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

4. Thông tin quy định tại điểm h và i khoản 1 Điều 25 của Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu do Bộ Y tế quản lý.

5. Trường hợp dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định này chưa thể thu thập theo quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này thì được đồng bộ hóa dữ liệu từ nguồn dữ liệu chuyên ngành do Bộ Tài chính quản lý và các nguồn dữ liệu khác có liên quan.

Điều 27. Cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được cập nhật, điều chỉnh từ các nguồn sau:

a) Kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ;

b) Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm chưa đầy đủ, chính xác;

c) Từ các Cơ sở dữ liệu khác có liên quan khi có thay đổi.

2. Các cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại khoản 1 Điều này.

Điều 28. Kinh phí cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

Kinh phí cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia.

Mục 2

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 29. Đối tượng khai thác, sử dụng dữ liệu Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Bộ Tài chính khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm phục vụ các hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành trong lĩnh vực bảo hiểm và phục vụ quản lý nhà nước về tài chính bảo hiểm xã hội.

2. Bộ Nội vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, lao động và việc làm.

3. Bộ Y tế khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế bao gồm cả các thông tin, dữ liệu về bảo hiểm y tế và an sinh xã hội.

4. Văn phòng Chính phủ khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ khai thác, sử dụng dữ liệu để kết hợp với các nguồn dữ liệu khác tạo ra các thông tin gia tăng phục vụ mục đích tham mưu, hỗ trợ ban hành chính sách trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

6. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng khai thác sử dụng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

7. Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

8. Cơ quan, tổ chức và cá nhân được phép khai thác và sử dụng thông tin của mình; thông tin cá nhân của người khác nếu được người đó đồng ý theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Cách thức khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và các hình thức khác do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có quyền trích xuất thông tin của mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Dữ liệu trích xuất được ký số của Bộ Tài chính và có giá trị như văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

3. Cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cá nhân cung cấp các giấy tờ liên quan nếu đã khai thác được thông tin của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 31. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước (sau đây được viết là Nghị định số 47/2020/NĐ-CP).

Mục 3

QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ BẢO HIỂM

Điều 32. Quản lý nhà nước đối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Chính phủ là chủ sở hữu dữ liệu và thống nhất quản lý dữ liệu về bảo hiểm.

2. Bộ Tài chính là Chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 33. Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm được kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu theo Điều 16 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, đánh giá, duy trì định kỳ dữ liệu và gửi kết quả về Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành quy trình, nghiệp vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động và các quy định pháp luật có liên quan để tổ chức thực hiện Nghị định này.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 01 năm 2027, bảo đảm điều kiện để thực hiện giao dịch điện tử thuộc lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Chủ trì xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

3. Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong việc xây dựng quy trình thu thập, cập nhật, điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

4. Cung cấp dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

5. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm lên Cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Nghị định này. Việc kết nối, chia sẻ thông tin tuân thủ quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

6. Rà soát các quy định, thủ tục trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

7. Quản lý, vận hành hệ thống hoạt động thông suốt, liên tục; đảm bảo điều kiện hạ tầng phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn hệ thống thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

9. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý; ban hành quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia được giao làm chủ quản, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 35. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện giao dịch điện tử về bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về việc làm, an toàn, vệ sinh lao động.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của ngành với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Hội đồng giám định y khoa chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong lĩnh vực quản lý của ngành với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Cung cấp thông tin được quy định tại điểm h và điểm i khoản 1 Điều 25 của Nghị định này và đảm bảo tính chính xác, kịp thời thông tin do mình cung cấp.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan trong việc quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống thông tin để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

2. Hướng dẫn xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật và quy định kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn thông tin.

3. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định kỹ thuật đối với các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước tham gia thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

4. Quản lý, phát triển hạ tầng công nghệ cho hoạt động giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội phù hợp quy định của Luật Giao dịch điện tử.

5. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia để cung cấp các dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

6. Kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với Cổng dữ liệu quốc gia, Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu để phục vụ các cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục yêu cầu và xử lý yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu.

7. Nghiên cứu, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

8. Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc dữ liệu trao đổi giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Công an quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, đảm bảo an ninh quốc gia

3. Phối hợp với Bộ Tài chính chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan cần thiết trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Hướng dẫn thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng quy định về kết nối và chia sẻ thông tin liên quan đến bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Quốc phòng quản lý phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 40. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

1. Kết nối và chia sẻ dữ liệu chứng thực từ bản sao điện tử và các dữ liệu dịch vụ công liên quan đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định hiện hành.

2. Kết nối Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm Thông tin, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 41. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chia sẻ, kết nối các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang quản lý với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

2. Rà soát các quy định, thủ tục thuộc phạm vi, chức năng quản lý để đơn giản hóa giấy tờ cá nhân trên cơ sở sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện chia sẻ, kết nối đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng ở địa phương chia sẻ, kết nối đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết với cơ quan bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

Điều 42. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm theo quy định tại Nghị định này.

2. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khiếu nại, tố cáo khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng dữ liệu của mình.

3. Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định này và các quy định của cấp có thẩm quyền về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

4. Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của dữ liệu do mình cung cấp. Cập nhật thông báo kịp thời cho cơ quan chủ quản dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc có sai sót đối với dữ liệu cung cấp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản tham chiếu

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp

Tổ chức đang cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định này.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật sau:

a) Nghị định số 166/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Nghị định số 43/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm.

Điều 46. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và

và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (110b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2025/NĐ-CP
ngày tháng năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội
Mẫu số 02	Tờ khai đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm....

TỜ KHAI

**Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng
phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội**

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:

Mã số bảo hiểm xã hội:

Địa chỉ liên hệ:

Số chứng thư số của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Tên tổ chức chứng thực chữ ký số:

Thời hạn sử dụng chứng thư số: Từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng... năm (*)

Cá nhân tôi không có chứng thư số (không điền nội dung tại mục (*)), đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp mã xác thực giao dịch điện tử theo địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại di động dưới đây:

Người liên hệ:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại di động:

Theo Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ, cơ quan/tổ chức/cá nhân tôi có đủ các điều kiện sử dụng phương thức giao dịch điện tử. Cơ quan/tổ chức/cá nhân tôi đăng ký, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội với cơ quan Bảo hiểm xã hội như sau:

1. Đăng ký sử dụng:

- Đăng ký sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội từ ngày... tháng... năm....

- Đăng ký giao dịch tại:

+ Cổng thông tin điện tử của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

□

+ Tổ chức I-VAN

□

(Tên Tổ chức I-VAN:..... trong trường hợp giao dịch qua tổ chức I-VAN).

2. Điều chỉnh thông tin:

- Số chứng thư số của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Tên tổ chức chứng thực chữ ký số:.....

Thời hạn sử dụng chứng thư số: Từ ngày... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

- Địa chỉ thư điện tử:

- Số điện thoại di động:

(Chỉ ghi những nội dung có thay đổi, bổ sung)

3. Ngày sử dụng phương thức giao dịch:

- Ngày giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội từ ngày... tháng... năm...

- Lý do ngừng:.....

Cơ quan/tổ chức/cá nhân tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật./.

CHỮ KÝ SỐ CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm.....

TỜ KHAI

Đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN

Kính gửi: Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân:

Mã số bảo hiểm xã hội:

Địa chỉ liên hệ:

Qua xem xét và nhận thấy chúng tôi có đủ các điều kiện sử dụng dịch vụ I-VAN, chúng tôi đăng ký sử dụng, điều chỉnh thông tin và ngừng sử dụng dịch vụ I-VAN với cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau:

1. Đăng ký sử dụng

- Số chứng thư số của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

Tên tổ chức chứng thực chữ ký số:

Thời hạn sử dụng chứng thư số: Từ ngày... tháng... năm.... đến ngày.... tháng... năm..... (*)

- Cá nhân tôi không có chứng thư số (không điền nội dung tại mục (*)), đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp mã xác thực giao dịch điện tử theo địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại di động dưới đây:

Địa chỉ thư điện tử:

Điện thoại di động:

- Thông tin về Tổ chức I-VAN:

Tên tổ chức: (Ghi rõ tên đầy đủ tổ chức).....

2. Điều chỉnh thông tin:

- Số chứng thư số của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có):

Tên tổ chức chứng thực chữ ký số:

Thời hạn sử dụng chứng thư số: Từ ngày... tháng... năm.... đến ngày.... tháng... năm.....

- Địa chỉ thư điện tử:

- Số điện thoại di động:

(Chỉ ghi những nội dung có thay đổi, bổ sung)

3. Ngày sử dụng dịch vụ:

- Ngày sử dụng dịch vụ I-VAN từ ngày... tháng... năm....

- Lý do ngừng:

Cơ quan/tổ chức/cá nhân tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung nêu trên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội./.

**CHỮ KÝ SỐ CỦA TỔ CHỨC
CUNG CẤP DỊCH VỤ I-VAN**

**CHỮ KÝ SỐ CỦA CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN/MÃ XÁC THỰC
CỦA CÁ NHÂN**